

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CỦA SEQAP NGUỒN LỰC VẬT CHẤT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU DẠY HỌC CẢ NGÀY

NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC*

Ngày nhận bài: 01/06/2016; ngày sửa chữa: 02/06/2016; ngày duyệt đăng: 03/06/2016.

Abstract: The article clearly states SEQAP's capital construction objectives and achievements; analyzes the advantages and disadvantages in the implementation and lessons learned on management under SEQAP. Also, the article proposes solutions to enhance school facilities to ensure the sustainable development of SEQAP.

Keyword: SEQAP, capital construction, full day schooling.

1. Mục tiêu của SEQAP và những kết quả đạt được về xây dựng cơ bản (XDCB)

Theo tính toán của SEQAP, mục tiêu chuyển đổi các trường tiểu học từ dạy học một buổi (HDF) sang *dạy học cả ngày* (FDS) theo mô hình T30 (30 tiết/tuần) và T35 (35 tiết/tuần) sẽ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học (GDTH). Cơ sở vật chất (CSVC) tối thiểu phải đạt được đối với T30 là 0,8 phòng học/lớp và T35 là 1,0 phòng học/lớp. Thiết kế ban đầu cho khoảng 1.730 trường tiểu học tham gia SEQAP với quy mô xây dựng 2.800 phòng học, 2.400 khu vệ sinh (WC) và 500 phòng học đa năng cần có tổng số kinh phí xây dựng gần 47 triệu USD. Sau khi phân tích, rà soát danh sách trường và quy mô xây dựng đề xuất tại từng điểm trường theo các tiêu chí xác định, Ban Quản lý SEQAP Trung ương đã tổng hợp 1.649 trường tiểu học tham gia SEQAP với quy mô xây dựng đề xuất đúng tiêu chí Chương trình là 2.358 phòng học, 1.671 WC và 247 phòng hoạt động đa năng. Đây là cơ sở phân bổ kinh

phí xây dựng theo Công văn số 359/BGDĐT-SEQAP ngày 2/8/2012 của Ban Quản lý SEQAP Trung ương. Ngoài ra, theo đề nghị của Ban Quản lý SEQAP Trung ương được các bộ ngành TW và nhà tài trợ chấp thuận, ngày 28/11/2014, Bộ Tài chính có Quyết định số 3043/QĐ-BTC phân bổ thêm cho 28 tỉnh tham gia SEQAP xây dựng bổ sung 130 phòng học, 65 phòng học đa năng tại 113 trường với tổng kinh phí tương đương 6,073 triệu USD. Tính đến ngày 31/12/2015, các kết quả đạt được như sau:

- Tổng kinh phí xây dựng đã phân bổ 2010-2015: 1.113,75 tỉ đồng.

- Tổng quy mô xây dựng tại 36 tỉnh: 1.317 trường tiểu học, 2.013 phòng học, 1.265 WC, 262 phòng học đa năng (tổng giá trị theo hợp đồng là 1.142,9 tỉ đồng). Trong đó: hoàn thành xây dựng 1.304 trường, 2.001 phòng học, 1.263 WC và 254 phòng học đa năng (tổng giá trị hoàn thành 1.128,3 tỉ đồng). Hiện đang thực hiện xây dựng 13 trường, 12 phòng học, 2 WC và 8 phòng

* Chuyên gia tư vấn SEQAP



*Nhà đa năng do SEQAP đầu tư xây dựng
tại Trường Tiểu học Kim Bình - Kim Bôi - Hoà Bình*

học đa năng với tổng giá trị hợp đồng là 14,56 tỉ đồng.

- Tình hình quyết toán: Tổng kinh phí đã phê duyệt quyết toán 922,90 tỉ đồng; 1.759 phòng học, 1.150 WC và 181 phòng học đa năng; hiện đang phải hoàn thành xây dựng và làm thủ tục phê duyệt 198,394 tỉ cho 254 phòng học, 115 WC và 81 phòng học đa năng. Theo kế hoạch của SEQAP đang được các địa phương gấp rút thực hiện, cho đến 30/6/2016, hoạt động xây dựng cơ bản (XDCB) tại tất cả các địa phương sẽ kết thúc và nộp tất cả hồ sơ quyết toán khối lượng còn lại về Ban Quản lý SEQAP TW để tổng hợp, lập báo cáo hoàn thành XDCB của SEQAP trình Bộ GD-ĐT cùng các nhà tài trợ.

- Tất cả các địa phương phải thực hiện nhiệm vụ cung cấp đồ gỗ và bảo hành công trình trong thời hạn; thực hiện thanh toán công nợ trong XDCB (vốn ODA và vốn đối ứng địa phương); tránh nợ đọng trong XDCB các hợp đồng liên quan đến xây dựng của SEQAP.

- Theo báo cáo của các địa phương, chuyên gia tư vấn vùng và đánh giá của các đoàn công tác hậu kiểm, kiểm toán, chất lượng của các công trình thực hiện thiết kế cơ bản tốt, các phòng học và phòng đa năng được trang bị bàn ghế, bảng, tủ đầy đủ, đúng mẫu mã, tiêu chuẩn, chất lượng và được quản lý, sử dụng đúng mục đích với hiệu quả cao. Phòng học đa năng của SEQAP đã phát huy tác dụng tích cực, có những đóng góp quan trọng về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, được các địa phương đánh giá tốt và mong muốn được đầu tư. Nhiều tỉnh đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí của địa phương để xây dựng nhà đa năng cho trường tiểu học.

2. Thuận lợi và khó khăn trong thực hiện XDCB của SEQAP

Qua 5 năm quản lý thực hiện XDCB của SEQAP, có thể rút ra những thuận lợi và khó khăn cơ bản sau:

2.1. Một số thuận lợi.

- Có hệ thống văn bản pháp quy khá đầy đủ và chi tiết được bổ sung và sửa đổi theo



Phòng học do SEQAP đầu tư xây dựng ở Trường Tiểu học ZoNông - Nam Giang - Quảng Nam

thời gian, như: *Thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/1/2010 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình Đảm bảo chất lượng giáo dục trường học giai đoạn 2010-2015; Thông tư liên tịch số 143/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/01/2010 của Bộ Tài chính và Bộ GD-ĐT...*

- Có hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ GD-ĐT, Ban Quản lý SEQAP Trung ương về lựa chọn trường theo tiêu chí của Chương trình, xác định nội dung, quy mô đầu tư, phòng học theo mẫu của Dự án PEDC (GDTH cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn) hoặc mẫu phòng học do Bộ Xây dựng ban hành. Trong quá trình thực hiện xây dựng phòng học đa năng, Bộ GD-ĐT còn có *Công văn số 3838/BGDĐT-SEQAP ngày 13/6/2011*

ban hành thiết kế mẫu phòng học đa năng cho các trường tham gia SEQAP theo mô hình T35.

- Kinh phí được các nhà tài trợ chấp thuận đầy đủ theo kế hoạch của Ban Quản lý SEQAP Trung ương, Bộ Tài chính phân bổ kinh phí kịp thời hàng năm. Trừ năm cuối của Chương trình, việc sử dụng không hết kinh phí trong kế hoạch năm, các địa phương được chuyển sang các năm sau để thực hiện, điều này bảo đảm cho các địa phương không bị mất kinh phí nếu không sử dụng kịp trong năm kế hoạch.

- Về kĩ thuật, các hạng mục xây dựng hầu hết có quy mô nhỏ, kết cấu đơn giản (chỉ gồm nhà cấp 4), thời gian thi công ngắn, do đó rất phù hợp với năng lực của các nhà thầu trên địa bàn và năng lực quản lý của các chủ đầu tư cấp huyện.

- Trong thiết kế của SEQAP, Bộ phận XDCB được bố trí 6 người (mỗi người 6

tỉnh) giúp Ban Quản lý SEQAP Trung ương theo dõi, giám sát, đôn đốc. Ngoài ra, tư vấn vùng còn tư vấn hỗ trợ Ban Quản lý SEQAP huyện, các chủ đầu tư trong quá trình lựa chọn trường, địa điểm xây dựng, lập kế hoạch, chuẩn bị dự án, quản lý thực hiện xây dựng, cung cấp đồ gỗ, công tác bảo hành, quản lý sử dụng và thanh quyết toán dự án theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

- Về khách quan, áp lực trượt giá trong xây dựng theo thời gian giảm dần từ 2010-2012, thậm chí có lợi trong các năm cuối (từ 2013 trở về sau). Do đó, việc chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu thuận lợi hơn, không phải điều chỉnh và phê duyệt nhiều lần, nhà thầu không bỏ hợp đồng như các năm 2011-2012.

- SEQAP có mục tiêu tập trung hỗ trợ cho các vùng kinh tế còn nhiều khó khăn, đời sống nhân dân còn nghèo, chất lượng giáo dục còn thấp nên đã nhận được sự hoan nghênh, hưởng ứng và ủng hộ hết lòng của cộng đồng, các nhà hảo tâm, nhà trường và các cấp chính quyền địa phương; đặc biệt là các địa phương được hưởng lợi từ Chương trình. Do đó, họ không tiếc công sức, tiền của đóng góp cùng SEQAP thực hiện các nhiệm vụ Chương trình đề ra.

2.2. Một số khó khăn:

- SEQAP là Chương trình đầu tư của ngành giáo dục từ nguồn vốn ODA đầu tiên thực hiện theo cơ chế phân cấp xuống đến cấp huyện, nên Ban Quản lý SEQAP Trung ương khó trực tiếp chỉ đạo, vai trò của Sở GD-ĐT cũng chỉ ở mức độ hạn chế. Quản lý kinh phí theo **Luật Ngân sách** là vấn đề mới, từ Trung ương đến tỉnh, huyện đều chưa có kinh nghiệm trong chỉ đạo, theo dõi, giám sát, đốc thúc,

kiểm soát thông tin. Đặc biệt, Ban Quản lý SEQAP cấp huyện là đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các dự án xây dựng phải sau vài năm thực hiện XD CB mới dần đủ năng lực đáp ứng việc xây dựng các công trình, hạng mục nhỏ, phân tán như các hạng mục của SEQAP.

- Thông tin về danh sách các trường tham gia SEQAP đến từng điểm trường (kèm theo kế hoạch xây dựng) chưa được lập chính xác và thống nhất từ ban đầu; do đó, có nhiều sai sót phải chỉnh sửa nhiều lần, làm chậm tiến độ thực hiện dự án tại địa phương. Sau hơn 2 năm thực hiện, SEQAP mới có danh sách các trường tham gia SEQAP chính thức với số liệu đầy đủ đến các điểm trường làm cơ sở cho việc phân tích đề xuất xây dựng của địa phương.

- Về thiết kế và khái toán xây dựng của dự án: Quy định một phòng học có diện tích 45m² nhưng lại bỏ qua diện tích hành lang; WC có diện tích bằng ¼ phòng học (hơn 11 m²) là không phù hợp với quy định tại *Quyết định số 1486/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2008* của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT (với trường tiểu học 20 lớp, diện tích WC khoảng 34m², đối với điểm lẻ và trường 10 lớp diện tích khoảng 18m²); nhà học đa năng có diện tích bằng 2,5 diện tích phòng học nhưng không lưu ý đến chiều cao 4,8 m so với chiều cao phòng học là 3,6 m. Kết quả đơn giá 1 phòng học khoảng 210 triệu đồng; WC là 52 triệu đồng; phòng học đa năng 525 triệu đồng... là quá thấp so với thực tế. Thực tế cho thấy, giá xây dựng phòng học cao hơn 1,25 lần; giá xây dựng trung bình 1 WC cao hơn 3,15 lần, giá xây dựng phòng học đa năng cao hơn 2,15 lần so với giá thiết kế. Các chi phí ngoài tổng mức đầu tư chưa quy

định đủ và đúng (chỉ có chi phí thiết kế và giám sát kỹ thuật thi công). Các thiếu sót này gây khó khăn rất lớn và bức xúc cho địa phương, khiến cho khối lượng xây dựng thực tế giảm so với kế hoạch ở tất cả các tỉnh tham gia SEQAP.

- Về phân bổ kinh phí xây dựng tại các địa phương: Theo quy định của SEQAP, các tỉnh phải phân bổ kinh phí cho các huyện vào tháng 1 hàng năm. Nhưng trong thực tế, đến tháng 5, tháng 6 tỉnh mới phân bổ về huyện, huyện phân bổ cho công trình thường kéo dài đến cuối quý 3, quý 4. Ngoài ra, trong thời gian đầu, một số địa phương đã sử dụng kinh phí xây dựng của SEQAP vì mục đích khác, việc hoàn trả lại được thực hiện vào các năm sau. Những lí do này làm cho tiến độ xây dựng bị chậm lại so với kế hoạch.

- Do có nhiều khó khăn về kinh tế, quy định vốn đối ứng của địa phương để thanh toán các khoản chi ngoài xây lắp trong tổng mức đầu tư chưa được nhiều địa phương thực hiện nghiêm túc. Qua phân tích số liệu quyết toán, nhiều địa phương nợ khối lượng lớn về vốn đối ứng.

- Hầu hết các cấp quản lý thực hiện của SEQAP ở địa phương trong thời gian đầu chưa hiểu hoạt động của SEQAP được thiết kế liên quan chặt chẽ với nhau, đặc biệt là giữa XDCB và FDS. Do đó, việc lập kế hoạch XDCB cho từng trường đã có sai sót theo quy định (về quy mô đầu tư, địa điểm đầu tư, số lượng phòng học đầu tư...). Đã có 8 tỉnh xây dựng quá quy định 2 phòng học/điểm trường; các gói thầu xây dựng trước tháng 11/2011 đều được thực hiện trước lúc có thư chấp thuận của Ngân hàng Thế giới (WB). Điều này cho thấy, Ban Quản lý SEQAP cấp huyện chưa hiểu thấu đáo các quy định của Chương

trình và thiếu sự phối hợp giữa bộ phận FDS và xây dựng ngay từ giai đoạn lập danh sách các trường tham gia SEQAP.

- Cơ chế phối hợp rất khó khăn: việc trao trách nhiệm cho Sở GD-ĐT trong giám sát, đốc thúc và kiểm tra chưa đủ mức để có thể chỉ đạo Ban Quản lý SEQAP huyện. Trong thực tế, quyền hạn của Sở GD-ĐT còn bị hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ của SEQAP; các Sở khó chỉ đạo Ban Quản lý SEQAP huyện, vì UBND huyện quyết định thành lập Ban Quản lý và cử Phó Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban.

- Khó khăn trong sự khác biệt về **Luật Đấu thầu** Việt Nam và *Quy định đấu thầu* của WB. Hình thức lựa chọn nhà thầu áp dụng cho các gói thầu xây lắp dưới 100.000 USD (sau đó tăng lên 200.000 USD) là “chào hàng cạnh tranh”; trong khi **Luật Đấu thầu** của Việt Nam (trước Luật 43) chỉ có hình thức chỉ định thầu. Điều này gây nên những khó khăn lớn đối với các chủ đầu tư khi trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

- Về nhân sự Ban Quản lý SEQAP huyện và các chủ đầu tư: Sự thay đổi nhân sự trong ban lãnh đạo huyện sau mỗi lần bầu cử, do luân chuyển thường xuyên của kế toán SEQAP huyện... đều làm xáo trộn hoạt động quản lý XDCB của SEQAP tại huyện. Hoạt động XDCB bị trì trệ vì các nhân sự mới chưa quen, phải học cách vận hành, nắm vững quy định của SEQAP qua các tư vấn vùng hoặc những lớp tập huấn bổ sung.

- Dưới sự trợ giúp của các tư vấn xây dựng vùng (mỗi tư vấn phụ trách 6 tỉnh với khoảng 25 huyện (tổng 150 huyện). Nhưng trong thực tế, số huyện tham gia SEQAP gia tăng gần gấp đôi (284 huyện) khiến cho khối lượng công việc của chuyên

gia tăng lên, mất nhiều thời gian đi lại, ít thời gian tư vấn hỗ trợ và nhiều khi không đúng thời điểm cần thiết.

3. Bài học kinh nghiệm trong quản lý thực hiện XDCC của SEQAP

3.1. Giai đoạn chuẩn bị. Giai đoạn chuẩn bị của dự án cần được thiết kế chi tiết để có thể triển khai thực hiện ngay sau khi khởi động Chương trình. Cụ thể: phải lựa chọn và đề xuất được danh sách các trường tiểu học tham gia với số liệu chi tiết đến từng điểm trường, trong đó có đề xuất quy mô xây dựng. Đến giai đoạn thực hiện: rà soát và cập nhật lại số liệu trong danh sách, điều chỉnh bổ sung để đưa ra được danh sách chính thức, tránh tình trạng chậm muộn như đã nêu trên.

Các quy định về diện tích phòng học, WC, phòng học đa năng cần bám sát tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, các quy định về *Mẫu thiết kế* của Bộ xây dựng, Bộ GD-ĐT. Cần điều chỉnh công thức tính phòng học tương đương: Số phòng học tương đương dự kiến xây dựng = Số phòng học thông thường + (0,7-0,8) * Số lượng WC + (3,5-4,0) * số phòng đa chức năng dự kiến xây dựng. Ngoài ra, cần lưu ý đến sự chênh lệch giá xây dựng ở các vùng khác nhau. Cần bảo đảm cân bằng trách nhiệm và quyền hạn của các cấp quản lý từ Trung ương đến tỉnh, huyện; coi trọng vai trò cấp tỉnh...

3.2. Giai đoạn thực hiện. Cần có thời gian chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện khoảng 1 năm; sớm tuyển chọn và huy động chuyên gia tư vấn, đặc biệt là tư vấn quản lý ở cấp Trung ương; không thực hiện phân bổ kinh phí xuống các tỉnh khi chưa hoàn thành công tác chuẩn bị cho triển khai. Mục đích của giai đoạn chuẩn bị là các chuyên gia tư vấn Trung ương sẽ: nghiên cứu nội dung của Hiệp định, soạn

thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện; tổ chức tập huấn cho các Ban Quản lý SEQAP huyện, đơn vị liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ, cán bộ phụ trách SEQAP của các Sở GD-ĐT, cán bộ của các Sở, ngành địa phương để họ hiểu về các mục tiêu, nhiệm vụ của SEQAP, chức năng nhiệm vụ của từng cấp, quy trình thủ tục thực hiện, cách thức thực hiện kiểm tra, giám sát và chế độ, báo cáo...

4. Nhu cầu CSVC cho nhà trường để duy trì tính bền vững của FDS

Để duy trì và tăng chất lượng, hiệu quả của trường tiểu học dạy học cả ngày, ngoài nội dung, chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học, cần bảo đảm đủ số lượng và chất lượng giáo viên, người phục vụ trong nhà trường, các chế độ chính sách cùng các bài học kinh nghiệm về vai trò CSVC trường học phục vụ quá trình thực hiện FDS.

- Thực tế triển khai FDS tại 1.628 trường tiểu học trong các năm qua ở 36 tỉnh cho thấy chất lượng giáo dục tại các trường này không ngừng được tăng lên; tỉ lệ học sinh bỏ học giảm; sự hưởng ứng và tham gia của cộng đồng vào các hoạt động của nhà trường trở nên tích cực, chủ động. Tuy nhiên trong thực tế, nhiều trường tiểu học khó đảm bảo thực hiện FDS ở tất cả các điểm trường (tại các điểm trường đó không đủ số lượng phòng học).

- Tại các điểm trường thực hiện FDS, việc tổ chức ăn trưa thực hiện theo hình thức đơn giản (cung cấp sữa, bánh mì...) vì không có nhà bếp, nơi ăn và các trang thiết bị đun nấu. CSVC phục vụ cho nghỉ ngơi ban trưa, các phòng phục vụ sinh hoạt đa dạng của học sinh và giáo viên phụ trách đều chưa có.

- Để duy trì và nâng cao hiệu quả thực hiện FDS, tiến tới thực hiện mô hình FDS T35, từ góc độ CSVC trường học, cần nghiên cứu và tính toán toàn diện CSVC nhà trường khi chuyển từ học HDF sang FDS, không nên đơn giản chỉ có phòng học và WC như hiện nay, bao gồm: + Cần có đủ phòng học theo quy định về *Tiêu chuẩn Thiết kế trường học* của Việt Nam và *Điều lệ trường tiểu học* do Bộ GD-ĐT ban hành: mỗi lớp có 1 phòng học (tỉ lệ phòng học/lớp là 1,0) không chỉ ở điểm trường chính mà còn ở các điểm lẻ; + Hệ thống WC: Theo *Tiêu chuẩn thiết kế trường học*, WC trong trường học gồm 3 loại (WC cho học sinh, WC cho giáo viên và WC cho trẻ khuyết tật). Trong điều kiện thực hiện FDS, WC là nhu cầu tất yếu; + Có đủ phòng học đa năng cho các trường thực hiện FDS theo T35 để đáp ứng nhu cầu thực hiện dạy học và các nhu cầu đa dạng khác của nhà trường; + Có đủ CSVC phục vụ các hoạt động buổi trưa tại nhà trường, gồm: tổ chức bữa ăn trưa, nghỉ ngơi và các hoạt động đa dạng của học sinh. Các nhu cầu CSVC (nhà cửa và trang thiết bị) phục vụ cho các hoạt động này gồm: nhà bếp, nhà ăn, chỗ nghỉ trưa của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lí; CSVC phục vụ hoạt động học tập và giải trí (thư viện (kín, mở), phòng nghe nhìn, các phương tiện thông tin, Internet, sân chơi, bãi tập, môi trường cảnh quan sư phạm, an toàn, an ninh trường học...).

5. Các giải pháp tăng cường CSVC trường học đảm bảo tính bền vững

Sau khi kết thúc Chương trình SEQAP, để thực hiện lộ trình FDS đến 2020 với 90% học sinh tiểu học được học cả ngày theo Chiến lược phát triển GD-ĐT, bên cạnh các giải pháp về nội dung dạy học,

cần có các giải pháp tăng cường CSVC trường học theo lộ trình FDS đang được SEQAP hoàn thiện, bao gồm:

5.1. Tổng kết, đánh giá hiệu quả của SEQAP ở tất cả các cấp, rút ra các bài học kinh nghiệm, coi giải pháp tổ chức dạy học cả ngày là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, huy động các nguồn lực xã hội và sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động giáo dục, đặc biệt ở các vùng KT-XH khó khăn.

5.2. Xây dựng một chương trình đầu tư đủ CSVC cho các trường tiểu học, trên cơ sở tính toán nhu cầu nguồn kinh phí cho xây dựng theo Lộ trình FDS (mỗi năm có bao nhiêu trường triển khai, CSVC cần bổ sung những gì, khối lượng bao nhiêu, cần bao nhiêu kinh phí... đảm bảo đạt mục tiêu đến 2020 có 90% số học sinh được học cả ngày).

5.3. Xây dựng nhu cầu kinh phí cho thực hiện FDS đến năm 2020 theo Lộ trình FDS và kế hoạch huy động nguồn vốn (vốn ngân sách Trung ương, vốn ODA, vốn địa phương và đóng góp của nhân dân, các nhà hảo tâm... thông qua hoạt động xã hội hóa).

5.4. Bộ GD-ĐT ban hành chủ trương, giao chỉ tiêu thực hiện FDS hàng năm cho các tỉnh; các tỉnh giao chỉ tiêu cho các huyện; huyện lập danh sách các trường kèm theo nhu cầu xây dựng CSVC bổ sung cho các trường (khối lượng, kinh phí). Bộ GD-ĐT tổng hợp kế hoạch thực hiện và nhu cầu kinh phí hàng năm và tổng nhu cầu kinh phí đến 2020.

5.5. Bộ GD-ĐT làm việc với các Bộ ngành trung ương, trình Chính phủ về Chương trình đầu tư cho ngành để thực hiện FDS; trong đó, thể hiện rõ dự kiến

nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương, vốn vay ODA; vốn địa phương tỉnh, huyện, vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu khác của các Bộ và kinh phí từ xã hội hóa.

5.6. Địa phương cần chủ động trong triển khai thực hiện, huy động sự tham gia cộng đồng vào các hoạt động hỗ trợ, đóng góp về vật chất, tinh thần...

Những hạng mục xây dựng nhỏ (nhà bếp, nhà ăn, WC, các trang thiết bị phục vụ cho việc nấu nướng, ăn uống...) có thể huy động từ cộng đồng và sự hỗ trợ của chính quyền cấp xã.

5.7. Cần có sự lồng ghép các chương trình đầu tư khác của các Bộ, ngành trung ương và của cấp tỉnh, cấp huyện để tăng cường CSVC cho nhà trường.

Trong hoạt động này, UBND huyện và Phòng GD-ĐT đóng vai trò quyết định. Kinh nghiệm của SEQAP cho thấy, song hành cùng với đầu tư XDCB của SEQAP, rất nhiều tỉnh, huyện đã tích cực đầu tư cho các trường, đặc biệt là các trường phấn đấu để trở thành trường Chuẩn Quốc gia.

5.8. Việc hỗ trợ của Nhà nước từ ngân sách trong nước và từ nguồn vốn vay ODA ở những mức độ khác nhau, chủ yếu dành cho các vùng khó khăn về KT-XH.

5.9. Bộ GD-ĐT xây dựng kế hoạch triển khai FDS đến năm 2020 trình Chính phủ phê duyệt, ban hành các văn bản hướng dẫn để tổ chức thực hiện với mục đích tạo hành lang pháp lý cho các địa phương thực hiện; xây dựng các đề án, chương trình đầu tư từ các nguồn ngân sách và nguồn vốn vay ODA; tổ chức truyền truyền rộng rãi về chủ trương và kế hoạch, cách thức thực hiện FDS thông qua các hội thảo, văn bản chỉ đạo và thông tin đại chúng.

* * *

Kết quả XDCB trong quá trình triển khai SEQAP thể hiện sự cố gắng đầy trách nhiệm và tâm huyết của các cấp quản lý, cá nhân và lực lượng xã hội ở các địa phương. Sự quan tâm chỉ đạo của Bộ GD-ĐT, sự ủng hộ của các nhà tài trợ và các bộ, ngành Trung ương cùng sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân... là những yếu tố quyết định thành công về hoạt động XDCB của SEQAP, đáp ứng nhu cầu cơ bản về CSVC của các trường tham gia triển khai dạy học cả ngày theo định hướng đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2010). *Quyết định số 12/QĐ-BGDĐT ngày 04/01/2010 về việc phê duyệt nội dung văn kiện và quyết định đầu tư Chương trình Đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP) sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới.*

[2] *Thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/1/2010 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí SEQAP (2010-2015); Thông tư liên tịch số 143/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 18/10/2013 sửa đổi một số điều của Thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT.*

[3] Bộ GD-ĐT (2010). *Quyết định số 483/QĐ-BGDĐT ngày 29/1/2010 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn triển khai thực hiện và Sổ tay hướng dẫn quản lý tài chính SEQAP.*

[4] *Quyết định 355/QĐ-BXD ngày 28/3/2003 Ban hành mẫu thiết kế nhà lớp học, trường học phục vụ Chương trình kiên cố hóa trường học của Chính phủ.*

[5] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 1486/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2008 về việc ban hành thiết kế mẫu nhà vệ sinh cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở áp dụng rộng rãi trong phạm vi toàn quốc.*

[6] SEQAP. *Các văn bản hướng dẫn thực hiện xây dựng cơ bản từ 2010-2015; Báo cáo công tác địa phương của các chuyên gia tư vấn vùng; Báo cáo phục vụ các Đoàn đồng giám sát, đánh giá của các nhà tài trợ.*